

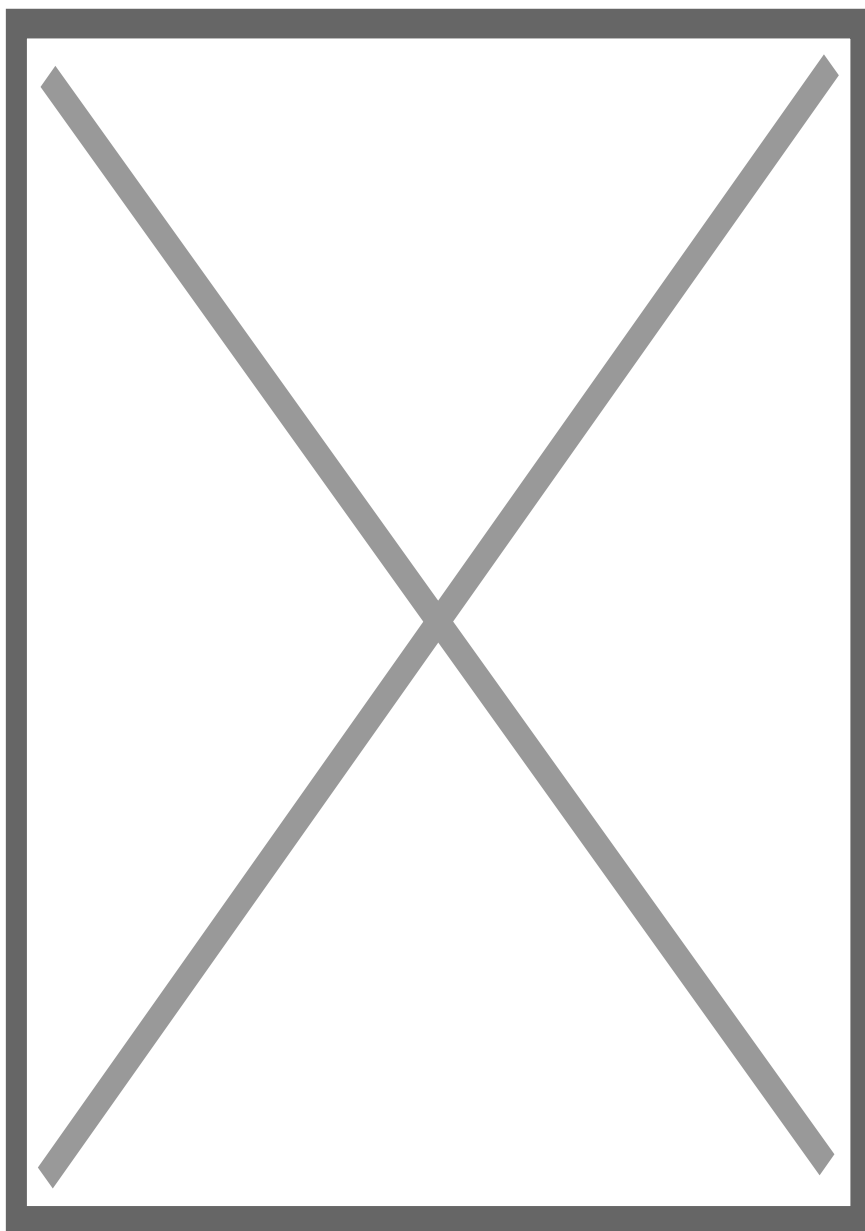
Như Lai chỉ là người dẫn đường

ISSN: 2734-9195

17:27 17/01/2022

Thích Nữ Huệ Lộc Học viên Thạc sĩ Khóa III - Học viện PGVN tại Tp.HCM
Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 1/2022

DẪN NHẬP Như Lai đã khẳng định “Như Lai chỉ là người dẫn đường”. Quả đúng như vậy, nếu chúng ta muốn đi đến đích mà không biết đường, trước tiên là phải hỏi đường sau khi được chỉ đường mới bắt đầu đi, như vậy mới đến được nơi muốn đến. Nếu có người chỉ đường xong mà ta không đi thì vẫn mãi còn ở điểm xuất phát. Cũng vậy qua những tạng kinh luật luận của Như Lai để lại thế gian, đó chính là kim chỉ nam cho các hành giả mong muốn được bước chân lên bờ giải thoát, thực hành hay không điều đó tùy thuộc vào nỗ lực của chúng ta, Như Lai chỉ là người dẫn đường. **Tag:** *Như Lai, đức Phật, dẫn đường, giải thoát, giáo lý,...*



1. Thế nào là Như Lai?

a. Danh hiệu của Như Lai

Hầu như trong các kinh điển của Nam, Bắc truyền đều chép về mười hiệu của Phật “Này các Tỳ kheo, Ta nay xuất hiện ở đời, là Như Lai, Bạc Vô Sở Trước, Đẳng Chính Giác, Minh Hạnh Túc, Thiên Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự Thiên Nhân Sư, gọi là Phật, là Đấng Chúng Hữu”(1) Hay một định nghĩa nữa về Ngài là “Sa môn Cù Đàm có sắc tướng danh xưng như vậy, vị có công đức chân thật nên được chư thiên và loài người ở khắp mọi nơi tán thán là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chính Giác, Minh Hạnh Túc, Thiên Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn”(2). Phật tiếng Phạn là Buddha, Tiếng Hán dịch âm là Phật- đà (Hữu-đồ, Phù-đà, Phù- đồ,

Phù-đầu, Bọt-đà) gọi tắt là Phật, tức chỉ cho người đã giác ngộ, có trí tuệ. Trong *“Tông luận thuật ký”* chép rằng *“Âm Phạn là Phật-đà, ở đây gọi là vị giác ngộ, xưa cách giải thích ngắn gọn là Phật”*(3) hay Ứng cúng: Phạn ngữ là Arahant (A-la-ha) là người đã đoạn tận Tham Sân Si(4), xứng đáng nhận được sự cúng dường của trời và người. Mười hiệu là danh xưng nhưng nó cũng nói lên sự giải thoát chứng ngộ của đức Phật.

Như vậy Phật là người đã giác ngộ hoàn toàn chân lý thế gian, đoạn tận tham, sân, si, xứng đáng là bậc nhận cúng dường, đã đặt gánh nặng xuống, là thầy của trời và người... nhưng không vì thế mà chúng ta lầm cho rằng Ngài là người xuất thế gian, bởi vì Phật đã khẳng định, Phật là con người do tu tập đoạn trừ tham sân si mà thành tựu quả vị Phật.

b. Đức Phật là một con người

Nếu như ở các tôn giáo khác đều đề cao vị giáo chủ của họ, thần thánh hóa vị giáo chủ thì đức Phật không đồng tình với việc thần thánh hóa như vậy, Ngài tự xác nhận rằng mình là một con người từ địa vị con người mà thành Phật. Quả đúng như vậy trước khi thành bậc Chính đẳng giác, đức Phật là con người, có cha mẹ, giòng tộc, quê hương *“Này Hiền giả, Thế Tôn thuộc chủng tính Sát đế ly, thuộc gia tộc Sát đế ly... này Hiền giả phụ vương của Thế Tôn là Suddhodana, mẫu hậu là Maya, kinh đô Kapilavatthu...”*(5) từ địa vị con người trải qua thời gian tu tập mà thành Phật chứ không phải là một vị thánh thần ở cõi nào giáng xuống, chính đức Phật đã xác nhận *“Thân ta được sinh ra từ nhân gian, trưởng thành từ nhân gian, cũng từ nhân gian mà thành Phật.”*(6) nhưng không vì thế mà đức Phật bị cuộc đời làm cho ô nhiễm, trái lại Ngài như bông sen sinh ra từ bùn nhưng lại tỏa hương thơm ngát *“Giống như hoa sen... Cũng như thế, Như Lai sinh từ trong thế gian, lớn lên trong thế gian, tu hành vượt trên thế gian, không đắm trước pháp thế gian. Vì sao? Vì Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chính Giác, vượt khỏi tất cả thế gian.”*(7) Ngài là một con người nên những gì thuộc về con người không có gì là xa lạ với Ngài, Ngài hiểu những nỗi khổ niềm đau của nhân loại, những bất công của chế độ giai cấp, những áp lực từ cuộc sống... chính vì vậy mà giáo lý của Ngài càng thiết thực hơn và những gì Ngài đã chứng ngộ thì tất cả những ai thực hành giáo lý của Ngài cũng sẽ chứng ngộ giống như vậy, không khác *“... Này A-nan, sau khi Ta diệt độ, nếu có ai có thể tu hành pháp này, người đó là đệ tử chân thật của Ta, là bậc nhất hữu học.”*(8)

2. Con đường-giáo lý căn bản của Phật

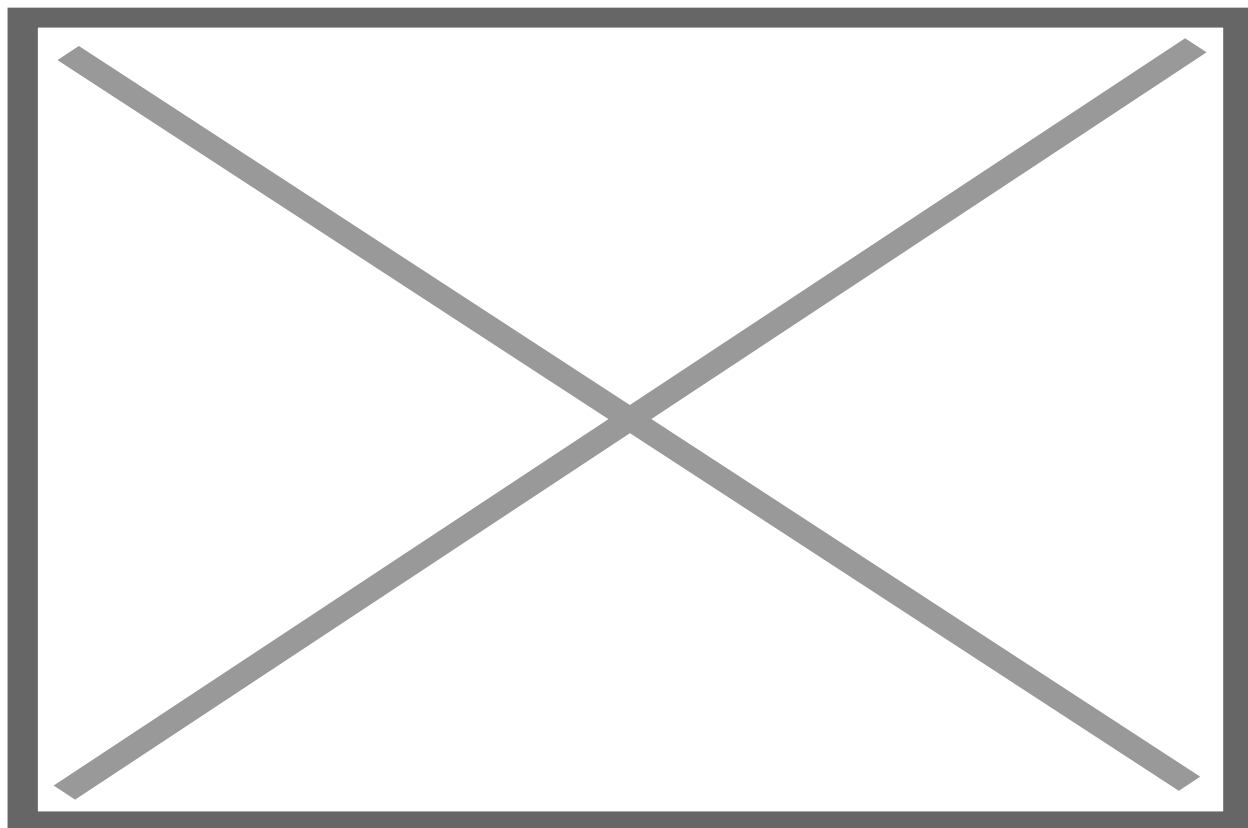
Hầu như các tôn giáo khác đều cho rằng đấng giáo chủ của họ là bậc tối tôn có quyền sinh sát trong tay, là người sáng tạo ra thế giới này *“Ban đầu đức Chúa*

Trời dựng nên trời đất.”(9) Chúa có khả năng ban phước cho những ai phục tùng và giáng họa cho những ai bỏ đạo, những tín đồ của họ tin vào Chúa một cách tuyệt đối, nếu ai khởi lòng nghi ngờ xem như kẻ có tội nặng, đó là đối với Cơ Đốc giáo, còn Bà-la-môn thì lại tin rằng có một đấng Phạm Thiên nào đó là đấng tối cao sáng tạo ra thế giới và ngay cả loài người.(10) Riêng Phật giáo, đức Phật cho là vạn pháp do duyên sinh, đây là quy luật của tự nhiên chứ Ngài không phải là người tạo ra thế giới, không có quyền ban phước hay giáng họa. Đức Phật chỉ là người tìm ra chân lý và dẫn đường cho chúng sinh đến với chân lý đó mà thôi, trong đó Ngài là người đầu tiên chứng ngộ, đã giải thoát khổ và chỉ cho chúng sinh biết phương pháp thoát khổ đó. Phần còn lại là tùy vào người thực hành chúng.

Giáo lý căn bản của Thế Tôn chính là Duyên khởi, Vô thường, Phi ngã, ba quy luật này chi phối vạn vật trong vũ trụ, mục đích tu học của những hành giả cũng không ngoài việc nhận biết rõ bản chất của vũ trụ quan và nhân sinh quan đúng với bản thể của nó chính là **“vạn pháp giai duyên”**. Khi hành giả biết tất cả các pháp do duyên sinh, vì duyên sinh nên chúng vô thường đủ duyên thì hợp hết duyên thì tan, vì vô thường nên không có ngã tướng, như vậy hành giả không còn đau khổ chấp thủ nữa bởi đó chính là quy luật của tự nhiên, mà quy luật thì phải học các chấp nhận nó có như vậy mới khỏi buồn khổ. Duyên khởi là quy luật sinh diệt của tất cả pháp, pháp này được Thế Tôn chứng ngộ dưới cội cây Bồ đề, vốn là chân lý thế gian, cũng là giáo lý căn bản của Phật giáo.(11)

Bắt nguồn từ lý **Duyên khởi** có giáo lý về **Tứ đế**, đầu tiên **Khổ đế**, tức nói về cái khổ của thế gian, sinh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, ghét nhau mà phải sống chung khổ, yêu thương xa lìa cũng khổ, cầu mong không được cũng khổ, ngũ ấm xí thành khổ. Thứ hai là **Tập đế** tức là nói lên cái nguyên nhân sinh ra cái khổ, nhìn chung nguyên nhân của khổ thì rất nhiều, nhưng chung quy lại thì cũng bắt nguồn từ vô minh, ái, thủ, tham, sân, si mà ra. Thứ nữa là **Diệt đế**, tức là kết quả đạt được sau khi thực hành thấu triệt Đạo đế. **Đạo đế** là con đường, là phương pháp tu tập để đoạn trừ phiền não, đạt được Diệt đế, đó là ba mươi bảy phẩm trợ đạo, tiêu biểu có Bát chính đạo... chính vì giáo lý bao quát của Tứ thánh đế nên ngài Sariputta mới nhận định rằng *“Này Chư Hiền, nếu có vô lượng thiện pháp, thì tất cả các thiện pháp ấy đều thu nhiếp vào bốn Thánh đế... Vì sao thế? Vì nhiếp thọ tất cả các thiện pháp.”*(12) Như vậy, Tứ đế là giáo lý đặc thù trong Phật giáo, bao quát mọi giáo lý, như dấu chân voi là bậc nhất trong các dấu chân của loài thú, Tứ đế biểu thị rõ ràng giáo lý thập nhị nhân duyên, sự vận hành của mười hai chi phần nhân duyên là Khổ, và sự đoạn diệt của nó chính là Diệt. Bản thân Tứ đế lại mang đặc tính lưỡng trùng nhân quả, Tập đế là nguyên nhân Khổ đế là kết quả, là nhân quả đặc trưng của thế gian; còn Đạo đế là con đường để đạt được Diệt đế, đây là nhân quả của đạo xuất thế

gian. Qua đó chúng ta thấy giáo lý của đức Phật rất thiết thực, gần gũi với đời sống con người cũng như chính cuộc đời Ngài với con người vậy, Ngài là con người từ địa vị con người mà giác ngộ thành chính giác nên những gì Ngài dạy cho chúng sinh không có gì vượt ngoài khả năng của con người.



3. Như Lai chỉ là người dẫn đường

Nói về Như Lai chỉ là người dẫn đường, kinh Tượng Tích Dụ có viết Mục Kiền Liên (Mahāmoggallāna) hỏi Phật *“Trong pháp luật này, lần lượt thứ tự như thế nào cho đến thành tựu?”* và *“đối với tất cả đệ tử răn dạy như vậy, khiến trách như vậy, tất cả đều đạt đến cứu cánh trí, nhất định đến Niết-bàn chăng?”* Như Lai bảo rằng không phải nhất định đạt đến mà có người đạt được có người không. Cũng như có người muốn đến thành Vương Xá, sau khi được chỉ đường rõ ràng nhưng chỉ được một quãng lại bỏ cuộc, lại có một người khác cũng muốn đến thành Vương Xá và sau khi được chỉ đường thì người ấy đi thẳng tới nơi.

Như vậy do nhân duyên gì, trong khi có thành Vương xá, có con đường đến thành Vương xá, đều được chỉ dẫn nhưng người thì không đến được mà người thì đến được. Đó không phải là lỗi người chỉ đường mà tùy thuộc vào người đi đường có chịu đi hay không. Cũng vậy đức Phật là người đã chứng ngộ pháp Duyên khởi, vô thường, vô ngã (phi ngã), đó cũng là chân lý của thế gian, Ngài đã dùng vô số phương tiện, tám muôn bốn ngàn pháp môn tùy căn cơ của chúng sinh mà hóa độ, thâm nhiếp giáo lý vào Tứ đế, Bát chính đạo... để cho

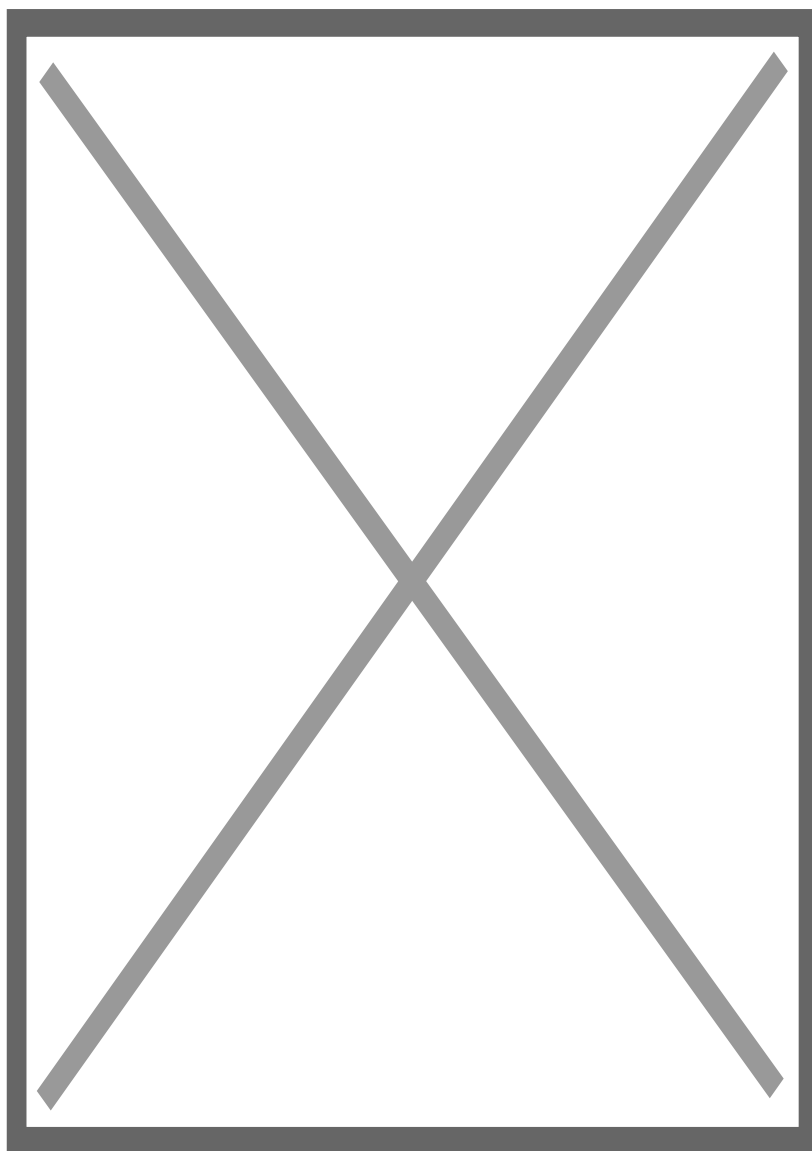
chúng sinh thực hành, đạt được giải thoát nhưng việc có thực hành hay không là tùy thuộc vào chúng sinh. Đồng quan điểm này trong kinh Nam truyền cũng đưa ra quan điểm “*Này Bà-la-môn, trong khi có mặt Niết-bàn, trong khi có mặt con đường đi đến Niết-bàn, và trong khi có mặt Ta là bậc chỉ đường. Nhưng các đệ tử của Ta, được Ta khuyến giáo như vậy, giảng dạy như vậy, một số chúng được cứu cánh đích Niết-bàn, một số không chứng được. Ở đây, này Bà-la-môn, Ta làm gì được? Như Lai chỉ là người chỉ đường*”(14)

[illegible]

Từ hai nguồn trích dẫn đó, khái niệm pháp ở đây chính là Kinh, Luật, Luận, khi đã sống trong giáo pháp Phật thì mình có đủ khả năng để biết pháp gì là chính pháp, không nên là kẻ nô lệ về ý thức, giao sự hiểu biết cho người khác định đoạt cuộc sống của mình như thế thật là nguy hiểm.(19) Cũng vậy, trong kinh Kalamasutta đức Phật khuyên các Kalama rằng chớ tin vào truyền thống, truyền thuyết, suy luận...chớ tin vì vị sa môn là bậc đạo sư của mình.

Như vậy qua trích dẫn một số bản kinh từ trong Kinh điển Nam truyền cũng như Bắc truyền ta thấy đức Phật luôn đề cao tính tự lập, tự giác ngộ nơi mỗi chúng sinh, khuyên họ hãy tự làm ngọn đuốc cho chính mình, chớ tin ai vì họ là đạo sư của mình... Nhưng kinh Tứ thập nhị chương lại ghi rằng “**[Tứ]****[Thập]****[Nhị]**, [Tứ] [Thập] [Nhị], [Tứ] [Thập] [Nhị], [Tứ] [Thập] [Nhị], [Tứ] [Thập] [Nhị]” dịch âm là “*Thận vật tín nhữ ý, nhữ ý bất khả tín, thận vật dữ sắc hội, sắc hội tức họa sinh, đắc A-la-hán dĩ, nãi khả tín nhữ ý.*”(20) nghĩa là phải thận trọng chớ tin ý ông, ý của ông không thể tin được. Phải thận trọng chớ gần gũi sắc dục, gần gũi sắc dục tất sinh họa. Chúng được A-la-hán rồi mới có thể tin được ý ông. Trong câu kinh này chúng ta cần phải hiểu rõ rằng đức Phật muốn dạy các Tỳ-kheo chớ gần gũi sắc dục là chủ yếu, khi đứng trước cám dỗ của sắc dục con người không đủ tỉnh táo

để quyết định cái gì, bởi tâm của người đó đang bị lòng tham dục chi phối, trong hoàn cảnh này đức Phật đưa ra lời khuyên đừng tin vào ý ông, chừng nào chúng được A-la-hán mới có thể tin. Qua đó ta thấy một sự nhất quán trong lời dạy của Phật, cứ không hề có sự mâu thuẫn nào, trong lời dạy trên Phật dạy cho hàng đệ tử trước khi Phật diệt độ, những vị đại đệ tử đã chứng quả A-la-hán, đoạn tận tham sân si, thì có thể tin vào chính mình, nương theo pháp và luật của Như Lai. Cũng như hình tượng chiếc bè qua sông, ta phải thực sự qua được sông mới vớt chiếc bè, chứ nếu chưa qua sông mà vớt bè thì đó là một quan niệm sai lầm.



4. Ứng dụng-con đường tu tập của tự thân

Mặc dù báo thân đức Phật đã không còn hiện hữu trên thế gian nhưng pháp thân đức Phật cùng với những giáo lý ngài để lại thì vẫn sáng chói trên nhân thế, chúng con hàng hậu học may mắn được nghe đọc lời dạy của Phật để suy lý và thực hành. Người học Phật phải nắm rõ giáo lý căn bản của Phật pháp giáo

nghĩa tuy đa nhưng không ra ngoài giới định tuệ, quy luật của vạn pháp là do duyên, bản chất của pháp là vô thường, tự tính các pháp là vô ngã, do đó “*người học Phật không thể thiếu niềm tin và sự hiểu biết*”(21) tin vào giáo lý của Phật sẽ đưa người đạt đến giải thoát, tin vào vị đạo sư của mình đã thực hành và thành Phật, tin vào chính mình cũng có thể đạt giác ngộ giải thoát, bên cạnh đó cũng phải trang bị cho mình một nền tảng kiến thức, tri thức, vì đạo Phật là đạo trí tuệ **“Duy tuệ thị nghiệp”**. Ngay từ ngày đầu bước chân vào lĩnh vực tri thức, chúng con đã được nghe quý ngài dạy rằng “*Tu mà không học là tu mù, học mà không tu thì như cái đũa đựng sách*” giáo lý của Phật là giáo lý sống, dùng để thực hành, đạt được an lạc ngay hiện tại, chứ không phải giáo lý suông, để thờ lạy.

KẾT LUẬN

Khi chưa học Phật, chúng con cứ nghe kể về Phật với đầy đủ những phép thần thông biến hóa, cứ ngỡ rằng ngài có thể ban phước cho mình, nhưng khi đã học Phật pháp chúng con không còn những suy nghĩ đó nữa, chúng con biết rằng mọi cái mình thọ nhận hôm nay là do nhân của chính mình đã tạo, muốn đời vị lai có quả tốt thì phải biết tu tập ngay từ bây giờ.

Phật đã chỉ ra cho chúng ta con đường, việc còn lại là tự bản thân chúng ta phải thực hành, con đường của Ngài rất thiết thực, Phật cũng là con người do tu tập mà chứng ngộ Chính Đẳng Giác, chúng ta cũng là con người, nếu thực hành đúng giáo pháp của Phật thì chắc chắn sẽ thành Phật, Phật là bậc đã thành, chúng sinh là Phật sẽ thành. Chúng ta không nên cô phụ tính linh của mình “*bí ký trượng phu ngã diệc nhĩ, bất ưng tự khinh nhi thoái khuất*”.

Như Lai giống vị lương y biết bệnh cho thuốc, nếu bệnh nhân muốn khỏi bệnh phải tự mình uống thuốc, không còn cách nào khác. Cũng vậy, Như Lai chỉ là người dẫn đường, Ngài chỉ cho nhân sinh thực hành theo giáo lý Ngài đã giác ngộ, nhiệm vụ của chúng ta là thực hành theo nếu muốn có được sự an lạc, giải thoát. Như lai không có trách nhiệm gì đối với sự khổ vui của chúng ta mà chính chúng ta phải tự có trách nhiệm đối với bản thân mình. Là người học Phật phải ghi nhớ rõ điều này để suy nghĩ và hành động có trách nhiệm với bản thân, để có một cái gì đó khác với người chưa biết Phật pháp, qua đó cũng làm mô phạm cho hậu học, cũng là không phụ chí nguyện xuất gia của mình.

**Thích Nữ Huệ Lộc Học viên Thạc sĩ Khóa III - Học viện PGVN tại Tp.HCM
Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 1/2022 *****

CHÚ THÍCH: (1) Thích Hạnh Bình, Những vấn đề cốt lõi trong kinh Trung A Hàm, VNCPHVN, NXB Hồng Đức, 2018, tr.95. (2) Thích Hạnh Bình, Nghiên cứu khái

niệm A La Hán trong lịch sử Phật giáo Ấn Độ, Thích Huệ Hải dịch, VNCPHVN, NXB Hồng Đức, 2019, tr.239. (3) Vu Lăng Ba, Đức Phật Thích Ca trong Phật giáo Nguyên thủy, Thích Hạnh Bình và Phương Anh dịch, VNCPHVN, NXB Hồng Đức, 2019, tr.146 (4) Thích Hạnh Bình, Nghiên cứu Khái Niệm A La Hán trong Lịch sử Phật giáo Ấn Độ, tr.237-8. (5) Kinh Trường Bộ, kinh Đại bốn 14, Thích Minh Châu dịch, ViệnNCPHVN, NXB Tôn giáo Hà Nội, 2017, tr.261. (6) Thích Hạnh Bình, Tư Tưởng Phật Giáo Bộ Phái tập 1, Nxb Hồng Đức, 2020, tr 31. (7) Thích Hạnh Bình, Những vấn đề cốt lõi trong kinh Trung A Hàm, kinh Thanh Bạch Liên Hoa dụ, VNCPHVN, NXB Hồng Đức, 2018, tr.66 (8) Thích Hạnh Bình, Những Vấn Đề Cốt Lõi Trong Kinh Trường A Hàm, tr. 58. (9) Cựu Ước, Sáng thế ký, đăng ngày 01/01/2012 trên trang <http://www.wiki.thuvientinlanh.org/>, truy cập ngày 17/10/2020 (10) Thích Hạnh Bình, Đức Phật và những vấn đề thời đại, VNCPHVN, NXB phương Đông, 2014, tr.16. (11) Thích Hạnh Bình, Tiến trình giải thoát, Nxb Hồng Đức, 2019, tr.42 (12) Kinh Trung A-Hàm 1, Kinh Tượng Tích Dụ số 30, Tuệ Sỹ dịch, NXB Tôn Giáo, Hà Nội, 2008, tr.227. (13) Kinh Trung A Hàm 2, Kinh Toán Số Mục Kiền Liên 144, Thích Tịnh Hạnh dịch, NXB Taiwan, 2000, Tr 238-240. (14) Kinh Trung Bộ II, Kinh Ganaka Moggallana số 107, Thích Minh Châu dịch, NXB Tôn giáo Hà Nội, 2012, tr. 329. (15) Thích Hạnh Bình, Đức Phật và những vấn đề thời đại, tr.17 (16) Tăng Chi Bộ II, Tr.77. (17) Kinh Tung A hàm quyển số 15, kinh Chuyển Luân Vương số 70, Thích Tuệ Sĩ dịch, https://www.rongmotamhon.net/xem-kinh_Trung-A-Ham-Kinh, truy cập ngày 26/10/2020. (18) Trường A Hàm, kinh Du Hành, Thích Tuệ Sĩ dịch, tr 120. (19) Thích Hạnh Bình, Y pháp bất y nhân, Nxb Phương Đông, 2007, tr.140-141. (20) Kinh Tứ Thập Nhị Chương, Đoàn Trung Còn, Nguyễn Minh Tiến dịch, NXB Tôn giáo, Hà Nội, 2010, tr. 23-24. (21) Ấn Thuận, Phật giáo và cuộc sống, Thích Hạnh Bình dịch, NXB Phương Đông, 2014. Tr. 185

TÀI LIỆU THAM KHẢO: 1. Thích Hạnh Bình, Những vấn đề cốt lõi trong kinh Trung A Hàm, VNCPHVN, NXB Hồng Đức. 2. Thích Hạnh Bình, Những Vấn Đề Cốt Lõi Trong Kinh Trường A Hàm. Thích Tịnh Hạnh dịch, Kinh Trung A Hàm 2, NXB Taiwan, 2000. 3. Thích Tuệ Sỹ dịch, Kinh Trung A-Hàm 1, NXB Tôn Giáo, Hà Nội, 2008. Thích Tuệ Sĩ dịch, Trường A Hàm. 4. Thích Minh Châu dịch, Kinh Trường Bộ, ViệnNCPHVN, NXB Tôn giáo Hà Nội, 2017. Thích Minh Châu dịch, Kinh Trung Bộ I, II, NXB Tôn giáo Hà Nội, 2012. 5. Ấn Thuận trước tác, Thích Hạnh Bình dịch, Phật giáo và cuộc sống, NXB Phương Đông, 2014. Thích Hạnh Bình, Nghiên cứu khái niệm A La Hán trong lịch sử Phật giáo Ấn Độ, Thích Huệ Hải dịch, VNCPHVN, NXB Hồng Đức, 2019. 6. Vu Lăng Ba, Đức Phật Thích Ca trong Phật giáo Nguyên thủy, Thích Hạnh Bình và Phương Anh dịch, VNCPHVN, NXB Hồng Đức, 2019. 7. Thích Hạnh Bình, tuệ chủng, tập 1 Tư Tưởng Phật Giáo Bộ Phái, Nxb Hồng Đức, 2020. Thích Hạnh Bình, Tiến trình giải thoát, Nxb Hồng Đức, 2019. 8. Thích Hạnh Bình, Đức Phật và những vấn đề thời đại, VNCPHVN, NXB phương

Đông, 2014. 9. Thích Hạnh Bình, Y pháp bất y nhân, Nxb Phương Đông, 2007. 10. Kinh Tứ Thập Nhị Chương, Đoàn Trung Còn, Nguyễn Minh Tiến dịch, NXB Tôn giáo, Hà Nội, 2010. 11. Cựu Ước, Sáng thế ký, đăng ngày 01/01/2012 trên trang <http://www.wiki.thuvientinlanh.org/> truy cập ngày 17/10/2020.